

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY
ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính 2019

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1595/QĐ-BXD ngày 13/12/1999 của Bộ Xây dựng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105197 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28/04/2017.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 61E, Đường La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 30.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*).

Vốn chủ sở hữu của Công ty theo Báo cáo tài chính năm 2019 là 30.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*).

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2019 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Hồng Minh	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 25/05/2018)
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25/05/2018)
Ông Phạm Tuấn Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Minh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/04/2019)
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán được ghi chép phù hợp và được lưu giữ để phản ánh tình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Số: 46A/2020/AEA-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 04 năm 2020, từ trang 06 đến trang 43 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản công nợ của Công ty đã thực hiện đối chiếu như sau: Phải thu khách hàng ngắn hạn là 5.395.759.671VND (chiếm tỷ lệ 3%), người mua trả tiền trước là 299.547.655.827VND (chiếm tỷ lệ 50,6%), phải trả người bán ngắn hạn là 86.087.406.007VND (chiếm tỷ lệ 48,8%), phải trả người bán dài hạn là 8.364.211.283VND (chiếm tỷ lệ 37,5%) trả trước cho người bán là 3.815.137.967VND (chiếm tỷ lệ 14,7%), phải thu khác ngắn hạn là 5.381.545.001VND (chiếm tỷ lệ 20,9%), phải thu khác dài hạn là 10.700.000.000VND (chiếm tỷ lệ 90%), phải trả khác ngắn hạn là 5.869.946.206VND (chiếm tỷ lệ 13%), Phải trả khác dài hạn là 23.155.534.764VND (chiếm tỷ lệ 38,8%), các khoản vay ngắn hạn là 107.345.431.213VND (chiếm tỷ lệ 90%), các khoản vay dài hạn là 37.252.608.496VND (chiếm tỷ lệ 57,1%). Tổng giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa đối chiếu, xác nhận số dư trên bảng cân đối kế toán là 730.804.776.557VND (chiếm tỷ lệ 54% Tổng tài sản). Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết nào để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản Phải thu khách hàng và Trả trước cho người bán tồn đọng với giá trị 11.26 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi này trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày hay không. Nếu phải trích lập số dư tồn đọng này thì Kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty sẽ lỗ trước thuế là - 543.889.236 VND.

Năm 2019, Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất đầu tư số tiền 3.339.894.659VND đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Nam Khánh (giá trị 2.951.893.085VND) và Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng 9 (giá trị 388.001.574VND). Nếu trích lập khoản dự phòng nêu trên, Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty sẽ giảm đi giá trị tương ứng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính của các công ty liên kết gồm: Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 1, Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 2, Công ty Cổ phần Lắp máy Cơ giới và Xây dựng, tổng giá gốc của các khoản đầu tư vào các công ty này là 12.322.500.000VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan đến việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty đang theo dõi Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Dự án Vĩnh Lộc B số tiền 16.062.251.205 VND đã tồn đọng từ lâu ngày chưa được quyết toán. Đây là dự án đã hoàn thành bàn giao nhưng do vướng mắc với chủ đầu tư nên chưa quyết toán được giá trị cuối cùng. Tuy nhiên chúng tôi không thu thập được các bằng chứng liên quan cũng như các căn cứ để xác định điều này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được rằng liệu đây có thể là khoản tổn thất của Công ty trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Vụ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán số: 0638-2018-043-1
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á
Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Hữu Đông
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán số: 0140-2018-043-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		910.075.621.567	905.418.209.762
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	8.629.643.183	5.150.279.849
1. Tiền	111	V.12	8.629.643.183	5.150.279.849
II/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.14	50.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	50.000.000.000	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.864.213.098	241.862.002.202
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	180.254.541.463	195.987.800.907
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.868.317.175	25.294.186.094
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	25.741.354.460	20.580.015.201
IV/ Hàng tồn kho	140	V.13	617.303.788.560	656.652.255.923
1. Hàng tồn kho	141	V.06	617.303.788.560	656.652.255.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		2.277.976.726	1.753.671.788
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	201.178.810	159.844.239
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.21	-	1.384.589.208
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		2.076.797.916	209.238.341
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		444.105.720.078	418.018.818.692
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		12.093.470.325	12.357.768.177
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	205.304.388	216.117.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	11.888.165.937	12.141.651.177
II/ Tài sản cố định	220		31.671.975.911	25.692.756.474
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	30.959.233.511	24.980.014.074
- Nguyên giá	222		82.210.641.356	73.237.650.359
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.251.407.845)	(48.257.636.285)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	712.742.400	712.742.400
- Nguyên giá	228		712.742.400	712.742.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		360.658.365.500	337.116.731.965
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	360.658.365.500	337.116.731.965
V/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	39.524.500.000	42.644.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	23.120.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.524.500.000	17.524.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		157.408.342	207.062.076
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	157.408.342	207.062.076
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.354.181.341.645	1.323.437.028.454

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		1.206.723.778.845	1.182.414.583.122
I/ Nợ ngắn hạn	310		948.286.141.262	855.959.085.968
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	176.617.558.146	251.141.199.466
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	511.210.054.419	330.661.580.545
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.218.436.667	2.940.872.657
4. Phải trả người lao động	314		4.194.608.783	4.612.783.874
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	70.851.315.979	61.523.946.982
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	2.621.603.993	5.498.016.351
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	45.120.923.442	41.787.571.808
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	119.311.330.973	141.652.805.425
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.140.308.860	16.140.308.860
II/ Nợ dài hạn	330		258.437.637.583	326.455.497.154
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	22.304.485.074	40.866.517.642
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15	80.412.108.990	55.449.795.999
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	30.885.132.544	46.774.890.619
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22	59.649.918.238	60.123.388.498
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	65.185.992.737	123.240.904.396
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.457.562.800	141.022.445.332
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.23	147.457.562.800	141.022.445.332
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.397.147.481	93.397.147.481
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.500.000.000	7.500.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.560.415.319	10.125.297.851
- LNST chưa phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		10.125.297.851	9.168.433.082
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.435.117.468	956.864.769
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.354.181.341.645	1.323.437.028.454



Vũ Hồng Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Đặng Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	272.662.908.837	521.180.687.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		272.662.908.837	521.180.687.468
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	252.197.463.547	487.753.836.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.465.445.290	33.426.851.277
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.536.352.052	1.964.727.275
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.558.055.128	4.039.863.734
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.833.609.967	3.549.021.291
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	14.177.716.490	18.062.795.651
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.266.025.724	13.288.919.167
11. Thu nhập khác	31	VI.05	552.337.109	4.750.151.870
12. Chi phí khác	32	VI.06	101.596.078	191.320.043
13. Lợi nhuận khác	40		450.741.031	4.558.831.827
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.716.766.755	17.847.750.994
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.910.606.613	4.862.608.899
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.806.160.142	12.985.142.095
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			



Vũ Hồng Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Đặng Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	548.299.736.768	694.463.352.101
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(348.429.031.354)	(471.455.651.967)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.677.248.020)	(33.453.054.104)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(8.182.234.473)	(13.270.243.279)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.160.001.893)	(4.153.115.193)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	161.835.129.001	131.433.861.184
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(200.395.349.882)	(176.896.744.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	125.291.000.147	126.668.404.416
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.047.476.626)	(9.341.965.538)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	145.000.000	17.648.681.783
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	537.153.916	946.537.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.365.322.710)	9.253.253.386
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	188.946.308.898	180.351.684.856
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(249.392.623.001)	(351.092.806.478)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(60.446.314.103)	(170.741.121.622)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	3.479.363.334	(34.819.463.820)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.150.279.849	39.969.743.669
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	8.629.643.183	5.150.279.849



Vũ Hồng Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thu Hà

Người lập biểu
Võ Thị Hương Giang